

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN PCI  
PCI GROUP  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số: 0741 / CBTT-PC1  
No: 0741 / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024  
Hanoi, August 29 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh  
To: *The State Securities Commission*  
*Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI/ *PCI GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ *18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam*

- Địa chỉ giao dịch/*Address*: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ *583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: [cbtt@pcigroup.vn](mailto:cbtt@pcigroup.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính Riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét và công văn Số 2059 /CV-PC1-BTC ngày 29/08/2024 về việc giải trình biến động LNST BCTC riêng và chậm công bố thông tin BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2024/ *The Audited Separate Interim Financial statements for the six-month period ended 30 June 2024 and Official Letter No.2059 /CV-PC1-BTC dated 29/08/2024 explains the changes in profit after tax on the separate financial statements and late submission of the 2024 Interim Consolidated Audited Financial Statements.*



3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29 / 08 /2024 tại đường dẫn: <https://www.pc1group.vn> /*This information was published on the company's website on 29/ 08 /2024, as in the link <https://www.pc1group.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**

*Organization representative*

**Người được ủy quyền CBTT**

*Person authorised to disclose information*



**Hoàng Văn Sáng**





**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100745 ngày 19 tháng 12 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 19 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên (từ ngày 26/4/2024)
Ông Mai Lương Việt	Thành viên (đến ngày 1/2/2024)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Ánh Dương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/7/2024)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên
Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Số 18 Lý Văn Phúc  
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-08-2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00203-24-1



Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2024-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.891.353.555.512</b>	<b>3.189.024.415.102</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>580.969.053.748</b>	<b>1.028.714.838.590</b>
Tiền	111		118.969.053.748	63.214.838.590
Các khoản tương đương tiền	112		462.000.000.000	965.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>361.295.336.299</b>	<b>103.601.176.833</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	361.295.336.299	103.601.176.833
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.073.247.107.024</b>	<b>1.699.908.243.725</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	1.373.091.232.902	1.173.050.006.858
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	322.606.434.100	186.723.471.407
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	12	26.901.294.927	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	130.267.677.504	106.051.103.451
Phải thu ngắn hạn khác	136	14	225.119.185.682	239.267.535.790
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(4.738.718.091)	(5.183.873.781)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>16</b>	<b>840.433.201.089</b>	<b>311.768.058.448</b>
Hàng tồn kho	141		840.433.201.089	311.768.058.448
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.408.857.352</b>	<b>45.032.097.506</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.296.984.431	3.226.020.397
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.111.872.921	41.806.077.109
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.966.630.133.723</b>	<b>7.562.961.437.568</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.963.649.281.711</b>	<b>2.030.219.276.770</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	1.962.338.066.494	2.028.766.131.425
Nguyên giá	222		2.757.176.865.477	2.754.805.467.253
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(794.838.798.983)	(726.039.335.828)
Tài sản cố định vô hình	227	18	1.311.215.217	1.453.145.345
Nguyên giá	228		2.706.470.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.395.254.783)	(1.253.324.655)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>19</b>	<b>60.181.716.743</b>	<b>71.353.081.680</b>
Nguyên giá	231		109.614.360.488	122.374.213.687
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(49.432.643.745)	(51.021.132.007)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.779.990.816</b>	<b>11.236.636.566</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	6.779.990.816	11.236.636.566

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>5.874.567.690.439</b>	<b>5.394.292.289.878</b>
Đầu tư vào công ty con	251		4.270.203.177.180	3.789.927.776.619
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.603.148.756.168	1.603.148.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.606.012.909)	(3.606.012.909)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>61.451.454.014</b>	<b>55.860.152.674</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	21	61.451.454.014	55.860.152.674
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>11.857.983.689.235</b>	<b>10.751.985.852.670</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.826.405.980.905</b>	<b>5.816.145.114.858</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.852.559.257.597</b>	<b>2.796.978.332.971</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	770.322.952.682	806.198.113.402
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	224.667.627.975	101.802.829.495
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	24	472.463.108.621	5.968.392.864
Phải trả người lao động	314		15.007.329.202	6.624.695.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	50.251.528.329	48.628.917.361
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		299.620.206	853.018.181
Phải trả ngắn hạn khác	319	26	22.329.562.337	20.020.281.837
Vay ngắn hạn	320	27(a)	2.152.825.478.166	1.661.054.422.237
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	144.392.050.079	145.827.662.533
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.973.846.723.308</b>	<b>3.019.166.781.887</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.313.561.790	1.521.414.720
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	27(b)	2.972.533.161.518	3.017.645.367.167

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.031.577.708.330</b>	<b>4.935.840.737.812</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>5.031.577.708.330</b>	<b>4.935.840.737.812</b>
Vốn cổ phần	411	30	3.109.955.580.000	3.109.955.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.109.955.580.000	3.109.955.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		246.973.837.431	246.973.837.431
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		898.879.289.571	803.142.319.053
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		791.872.253.263	693.331.661.162
- LNST kỳ này/ năm nay	421b		107.007.036.308	109.810.657.891
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>11.857.983.689.235</b>	<b>10.751.985.852.670</b>

29-08-2024

Người lập:



Vũ Thị Phương  
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt  
 Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 02a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.360.387.587.038	1.737.232.558.511
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	2.156.167.762.052	1.569.735.652.273
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>204.219.824.986</b>	<b>167.496.906.238</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	140.482.338.377	174.068.125.736
Chi phí tài chính	22	35	159.330.509.156	223.624.169.905
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23		157.875.997.322	222.688.262.458
Chi phí bán hàng	25	36	6.967.499.053	4.917.856.540
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	67.948.608.472	55.482.185.741
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>110.455.546.682</b>	<b>57.540.819.788</b>
Thu nhập khác	31		497.426.302	4.370.161.193
Chi phí khác	32		907.613	1.784.894.541
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>496.518.689</b>	<b>2.585.266.652</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>110.952.065.371</b>	<b>60.126.086.440</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>39</b>	<b>1.687.029.063</b>	<b>11.038.831.179</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>109.265.036.308</b>	<b>49.087.255.261</b>

29 -08- 2024

Người lập:

Vũ Thị Phương  
 Người lập biểu

Người duyệt:

Trần Thị Minh Việt  
 Kế toán trưởng

Vũ Anh Dương  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>110.952.065.371</b>	<b>60.126.086.440</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	71.255.884.811	72.063.764.042
Các khoản dự phòng	03	(26.600.000)	(4.720.152.063)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	(165.125.870)	53.962
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(147.435.048.883)	(171.908.874.887)
Chi phí đi vay	06	157.875.997.322	222.688.262.458
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>192.457.172.751</b>	<b>178.249.139.952</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(367.040.330.896)	526.140.381.277
Biến động hàng tồn kho	10	(528.665.142.641)	2.897.401.256
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	568.769.140.529	(651.131.977.409)
Biến động chi phí trả trước	12	(5.662.265.374)	3.264.285.996
		<b>(140.141.425.631)</b>	<b>59.419.231.072</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(154.328.367.961)	(231.064.163.597)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.681.782.076)	(66.959.789.119)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.705.678.244)	(21.576.707.875)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(309.857.253.912)</b>	<b>(260.181.429.519)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.315.388.141)	(23.152.180.758)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	14.240.641.320	-
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(498.976.336.299)	(71.630.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	211.282.176.833	328.566.149.820
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(474.725.331.507)	(73.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.940.000.000	8.146.356.468
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	142.382.525.778	115.820.528.170
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(600.171.712.016)</b>	<b>284.350.853.700</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2024**                      **30/6/2023**  
**VND**                                      **VND**

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	2.378.779.370.223	1.802.497.907.613
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.916.661.315.007)	(3.117.790.806.064)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>462.118.055.216</b>	<b>(1.315.292.898.451)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(447.910.910.712)</b>	<b>(1.291.123.474.270)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.028.714.838.590	1.681.934.406.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	165.125.870	(5.956.568)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	<b>70</b>	<b>580.969.053.748</b>	<b>390.804.976.061</b>

**29-08-2024**

Người lập:



Vũ Thị Phương  
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt  
 Kế toán trưởng




Vũ Anh Dương  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



# Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

## Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 24 ngày 19 tháng 12 năm 2023.

#### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 27 công ty con cấp 1 và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b) (1/1/2024: 26 công ty con cấp 1 và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 253 nhân viên (1/1/2024: 252 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

5/10  
C  
iCH,  
K  
2/11

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản đầu tư

##### (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

##### (ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng phản ánh phần chênh lệch giữa lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ và các hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	4 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
--------------------------	------------

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (k) Chi phí trả trước dài hạn

##### (i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

##### (ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng và Cục thuế Tỉnh Hà Giang.

##### (iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

#### (l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### (m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### (n) Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

#### (o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### (q) Doanh thu và thu nhập khác

##### (i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### (ii) Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(v) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(vi) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(vii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(viii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(r) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

#### (u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

## 4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

## 5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

## 6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

## 7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Ngoài các thông tin trình bày trong Thuyết minh 9(b), không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

24 /  
TY  
TU  
24 /

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	910.553.791	376.221.504
Tiền gửi ngân hàng	118.058.499.957	62.838.617.086
Các khoản tương đương tiền (*)	462.000.000.000	965.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	580.969.053.748	1.028.714.838.590
	<hr/>	<hr/>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất trong khoảng từ 3,5% – 5,0%/năm (1/1/2024: 2,3% – 4,2%/năm).

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>Giá gốc và giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>		
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	361.295.336.299	103.601.176.833
	<hr/>	<hr/>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,0%-5,0%/năm (1/1/2024: 1,4%-3,0%/năm).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

			30/6/2024		
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
1. Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	Hà Nội	66,00%	3.519.064.933	-	(*)
2. Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam) (i)	Tp. Hồ Chí Minh	80,00%	20.000.000.000	-	(*)
3. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	-	(*)
4. Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình) (ii)	Hà Nội	80,00%	24.000.000.000	-	(*)
5. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	-	(*)
6. Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	-	(*)
7. Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	Hà Nội	66,00%	3.566.251.625	-	(*)
8. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình (iii)	Ninh Bình	100,00%	10.275.400.561	-	(*)
9. Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	-	(*)
10. Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	-	(*)
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
12. Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
13. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
14. Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
15. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
16. Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
17. Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
18. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
19. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
20. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
21. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(*)
22. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm (iv)	Cao Bằng	60,00%	93.600.000.000	-	(*)
23. Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
24. Asia Dragon Trading Pte. Ltd.	Singapore	100,00%	140.950.895.451	-	(*)
25. Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (v)	Hải Phòng	99,00%	424.800.000.000	-	(*)
26. Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	Hải Phòng	70,00%	703.098.368.940	-	(*)
27. PC1 Australia Pty Ltd	Australia	100,00%	5.118.723.000	-	(*)
			4.270.203.177.180	-	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		30/6/2024			
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>▪ Công ty liên kết</b>					
1.	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	- (*)
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	- (*)
3.	Công ty Cổ phần Western Pacific	Tp. Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	- (*)
4.	Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	Bà Rịa-Vũng Tàu	36,00%	68.400.000.000	- (*)
			1.603.148.756.168	-	
<b>▪ Đơn vị khác</b>					
1.	Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(3.606.012.909)
2.	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	- 2.846.109.500
			4.821.770.000	(3.606.012.909)	
			5.878.173.703.348	(3.606.012.909)	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2024

	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>▪ Công ty con</b>					
1. Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	Hà Nội	66,00%	3.519.064.933	-	(*)
2. Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Nam)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	25.000.000.000	-	(*)
3. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	-	(*)
4. Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình)	Hà Nội	100,00%	30.000.000.000	-	(*)
5. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	-	(*)
6. Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	-	(*)
7. Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	Hà Nội	66,00%	3.566.251.625	-	(*)
8. Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	-	(*)
9. Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	-	(*)
10. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
11. Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
12. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
13. Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
14. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
15. Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
16. Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
17. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
18. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
19. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
20. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(*)
21. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	60,00%	27.600.000.000	-	(*)
22. Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
23. Asia Dragon Trading Pte. Ltd.	Singapore	100,00%	140.950.895.451	-	(*)
24. Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	Hải Phòng	99,00%	9.800.000.000	-	(*)
25. Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	Hải Phòng	70,00%	703.098.368.940	-	(*)
26. PC1 Australia Pty Ltd	Australia	100,00%	5.118.723.000	-	(*)
			3.789.927.776.619	-	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2024

	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>▪ Công ty liên kết</b>					
1. Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(*)
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
3. Công ty Cổ phần Western Pacific	Tp. Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	-	(*)
4. Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	Bà Rịa-Vũng Tàu	36,00%	68.400.000.000	-	(*)
			1.603.148.756.168	-	
<b>▪ Đơn vị khác</b>					
1. Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10,00%	4.000.000.000	(3.606.012.909)	(*)
2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.534.386.400
			4.821.770.000	(3.606.012.909)	-
			5.397.898.302.787	(3.606.012.909)	-

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam cho các cá nhân.
- (ii) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình cho các cá nhân.
- (iii) Ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn góp của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình từ Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình.
- (iv) Ngày 15 tháng 4 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp 66.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm.
- (v) Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành việc góp 415.000.000.000 VND vào Công ty Cổ Phần KCN Quốc tế Hải Phòng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, toàn bộ số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản trái phiếu mà Công ty phát hành (Thuyết minh 27(b)(ii)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	24.934.426.106	39.158.249.697
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	17.169.672.609	5.484.987.785
Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	14.987.251.788	9.333.451.788
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	6.763.960.515	6.760.812.315
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	6.117.169.435	4.072.935.897
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	1.773.392.000	1.288.102.959
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	393.334.872	13.370.427.122
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	37.422.449	2.823.371.338
Các công ty con cấp 1 khác	742.679.654	1.128.959.654
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	55.710.255.124	42.514.545.634
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	866.995.535	866.995.535
<b>Bên khác</b>		
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	151.461.887.759	79.296.269.106
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	130.394.743.620	87.194.855.067
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc	104.101.301.875	76.016.197.514
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	103.451.787.290	152.899.801.367
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	94.485.570.531	62.530.160.977
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	40.454.366.566	50.000.000.000
Các khách hàng khác	619.245.015.174	538.309.883.103
	1.373.091.232.902	1.173.050.006.858



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	29.372.071.308	-
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	27.831.360.925	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	22.083.765.001	18.460.974.653
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	5.442.370.838	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	3.149.981.451	3.291.288.384
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	2.116.329.200	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	1.220.010.624	1.450.662.595
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	287.511.287	-
Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh	79.943.059	-
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	17.240.368.531	4.736.092.878
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	7.463.270.644	7.463.270.654
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	100.988.840.482	95.988.840.482
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thiên Đình	20.742.153.926	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	17.586.655.734	17.877.622.227
Các nhà cung cấp khác	67.001.801.090	37.454.719.534
	<hr/>	
	322.606.434.100	186.723.471.407
	<hr/>	

**12. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	<b>30/06/2024</b>
	<b>VND</b>
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ	95.360.035.054
Lợi nhuận ước tính	10.021.246.782
	<hr/>
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ	105.381.281.836
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(78.479.986.909)
	<hr/>
	26.901.294.927
	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	51.142.397.260	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa Ốc Mỹ Đình	27.234.176.793	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	24.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bào Lâm	9.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	-	5.160.000.000
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.400	16.302.693.400
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn cầu	2.588.410.051	2.588.410.051
	130.267.677.504	106.051.103.451

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 9,0%/năm (1/1/2024: từ 4,0% đến 9,0%/năm).

**14. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	108.766.108.877	94.595.296.236
Tạm ứng cho nhân viên	25.476.166.496	23.681.808.392
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia (**)	80.904.348.882	102.912.151.561
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay (**)	5.495.990.159	9.168.117.522
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Ký cược, ký quỹ	268.380.000	5.570.850.000
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	-	418.555.690
Phải thu về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	508.425.569	240.552.334
Phải thu khác	1.548.133.499	528.571.855
	225.119.185.682	239.267.535.790

(\*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đền bù dự án bất động sản.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*) Bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	23.410.680.000	-
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	16.970.431.356	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Miền Bắc	14.702.758.871	14.702.758.871
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	9.701.471.457	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	5.094.900.000	5.094.900.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình	4.763.941.605	4.763.941.605
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	2.397.000.000	1.377.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc	1.660.708.651	1.660.708.651
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	1.147.500.000	918.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	23.567.885.989
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	-	17.819.655.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	-	17.326.005.843
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	-	14.626.338.660
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	1.054.956.942	1.054.956.942
	<hr/>	<hr/>
	80.904.348.882	102.912.151.561
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	447.123.288	151.232.877
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	446.465.753	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	-	1.050.345.205
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình	-	89.424.658
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	3.836.721.228	6.451.778.458
	<hr/>	<hr/>
	4.730.310.269	7.742.781.198
	<hr/>	<hr/>
	85.634.659.151	110.654.932.759

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	30/6/2024			Thời gian quá hạn	1/1/2024		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-
Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn	Trên 3 năm	2.049.842.044	(2.049.842.044)	-	Trên 3 năm	2.049.842.044	(2.049.842.044)	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	537.243.847	(537.243.847)	-	Trên 3 năm	563.843.847	(563.843.847)	-
		<u>4.738.718.091</u>	<u>(4.738.718.091)</u>	-		<u>5.183.873.781</u>	<u>(5.183.873.781)</u>	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(4.738.718.091)</u>				<u>(5.183.873.781)</u>	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Hàng tồn kho**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.429.527.341	-	672.055.967	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	838.534.476.872	-	239.876.318.816	-
Hàng hóa	469.196.876	-	71.219.683.665	-
	<b>840.433.201.089</b>	<b>-</b>	<b>311.768.058.448</b>	<b>-</b>

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b><i>Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp:</i></b>		
Gói 33 và Gói 34 Cung cấp và VC cột thép từ VT120-VT142; VT153-VT176 Dự án ĐZ 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa	82.769.167.671	-
EPC Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 và Ngăn lộ MR 110kV tại TBA 220kV Năm Căn	42.014.157.613	34.710.041.195
Gói Tổng thầu thi công Hạ tầng kỹ thuật - KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	16.791.183.977	26.799.806.529
Các công trình, dự án khác	115.165.637.614	167.882.687.812
<b><i>Dự án kinh doanh bất động sản:</i></b>		
Dự án xây nhà ở thấp tầng để bán và công trình thương mại, dịch vụ, bãi đỗ xe tại Tháp Vàng, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (*)	570.108.232.210	-
Dự án PC1 Bắc Từ Liêm (Khu nhà ở để bán G5 - CT2 và G8 - CT3)	7.494.996.417	7.494.996.417
Dự án khu nhà ở PC1 Gia Lâm	2.596.202.784	2.596.191.784
<b><i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i></b>	<b>1.594.898.586</b>	<b>392.595.079</b>
	<b>838.534.476.872</b>	<b>239.876.318.816</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất liên quan đến dự án này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	1.328.941.421.410	1.241.384.683.987	163.321.470.499	20.009.516.147	1.148.375.210	2.754.805.467.253
Tăng trong kỳ	840.000.000	642.578.081	-	622.320.143	266.500.000	2.371.398.224
Số dư cuối kỳ	1.329.781.421.410	1.242.027.262.068	163.321.470.499	20.631.836.290	1.414.875.210	2.757.176.865.477
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	279.875.302.236	346.827.741.478	88.943.442.681	9.405.586.550	987.262.883	726.039.335.828
Khấu hao trong kỳ	23.758.167.818	35.249.289.472	8.340.093.588	1.394.562.688	57.349.589	68.799.463.155
Số dư cuối kỳ	303.633.470.054	382.077.030.950	97.283.536.269	10.800.149.238	1.044.612.472	794.838.798.983
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	1.049.066.119.174	894.556.942.509	74.378.027.818	10.603.929.597	161.112.327	2.028.766.131.425
Số dư cuối kỳ	1.026.147.951.356	859.950.231.118	66.037.934.230	9.831.687.052	370.262.738	1.962.338.066.494

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có tài sản cố nguyên giá 29.020 triệu VND (1/1/2024: 28.922 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.867.683 triệu VND (1/1/2024: 1.922.173 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 27(b)(i)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu và cuối kỳ	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	1.253.324.655	1.253.324.655
Khấu hao trong kỳ	-	141.930.128	141.930.128
Số dư cuối kỳ	-	1.395.254.783	1.395.254.783
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	1.108.070.000	345.075.345	1.453.145.345
Số dư cuối kỳ	1.108.070.000	203.145.217	1.311.215.217

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 110 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 nhưng vẫn đang được sử dụng.

30  
 RA  
 2024

## 19. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại Chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại Chung cư PCC1 Hà Đông Complex VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	11.076.525.175	90.477.826.874	20.819.861.638	122.374.213.687
Nhượng bán	-	-	(12.759.853.199)	(12.759.853.199)
Số dư cuối kỳ	11.076.525.175	90.477.826.874	8.060.008.439	109.614.360.488
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	5.298.050.918	39.436.638.410	6.286.442.679	51.021.132.007
Khấu hao trong kỳ	198.843.319	1.918.141.774	197.506.435	2.314.491.528
Nhượng bán	-	-	(3.902.979.790)	(3.902.979.790)
Số dư cuối kỳ	5.496.894.237	41.354.780.184	2.580.969.324	49.432.643.745
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	5.778.474.257	51.041.188.464	14.533.418.959	71.353.081.680
Số dư cuối kỳ	5.579.630.938	49.123.046.690	5.479.039.115	60.181.716.743

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.236.636.566	7.859.555.020
Tăng trong kỳ	944.179.105	4.591.331.280
Chuyển nhượng dự án cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	(5.400.824.855)	-
Số dư cuối kỳ	6.779.990.816	12.450.886.300

Xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí triển khai tài sản cố định hữu hình của Công ty chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong tại ngày cuối kỳ.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí sửa chữa tài sản VND</b>	<b>Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.146.108.229	10.156.162.111	27.457.563.426	16.100.318.908	55.860.152.674
Tăng trong kỳ	609.582.725	7.191.392.218	-	8.656.710.323	16.457.685.266
Phân bổ trong kỳ	(997.093.675)	(2.988.971.505)	(257.611.679)	(6.622.707.067)	(10.866.383.926)
Số dư cuối kỳ	1.758.597.279	14.358.582.824	27.199.951.747	18.134.322.164	61.451.454.014

(\*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng và Cục thuế Tỉnh Hà Giang. Cụ thể như sau:

<b>Công trình</b>	<b>Thông báo</b>	<b>Số tiền được trừ (VND)</b>
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
		30.737.470.307

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuê đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 3.667.478.156 VND.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	150.237.681.452	86.432.400.016
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	112.442.965.196	107.080.793.198
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	96.952.550.152	55.883.121.985
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	49.071.909.389	34.402.085.687
Công ty TNHH MTV Xây Lắp điện 1- Ninh Bình	12.398.901.571	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	6.304.847.518	5.032.534.430
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	4.049.670.930	72.827.824.100
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	1.516.488.058	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	1.342.256.215	-
Các công ty con cấp 1 khác	4.913.731.775	3.549.638.093
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	10.386.499.798	-
<b>Bên khác</b>		
Wuxi Jiangnan Cable Co., Ltd	75.259.642.206	-
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	-	73.920.000.000
Siemens Energy Limited Company	-	96.229.903.174
Phải trả các đối tượng khác	245.445.808.422	270.839.812.719
	<b>770.322.952.682</b>	<b>806.198.113.402</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	586.091.536	4.561.937.571
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	380.603.531	-
<b>Bên khác</b>		
Ban Quản lý Dự án Lưới điện Tp. Hồ Chí Minh	38.869.964.048	-
Ban Quản lý Dự án phát triển Điện lực Hà Nội - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	36.063.872.517	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	31.515.453.438	31.515.453.438
Ban quản lý Dự án các công trình Điện Miền Nam	31.490.090.779	-
Ban Quản lý Đường sắt Đô thị	22.828.504.635	31.214.189.119
Ban Quản lý Dự án Lưới điện Hà Nội	22.752.187.170	-
Ban quản lý Dự án Lưới điện Miền Trung	12.215.000.000	-
Các khách hàng khác	27.965.860.321	34.511.249.367
	224.667.627.975	101.802.829.495

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	1.505.376.915	43.334.845.092	(35.143.860.358)	9.696.361.649
Thuế xuất nhập khẩu	-	187.186.666	(187.186.666)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.550.688	1.687.029.063	(2.681.782.076)	894.797.675
Thuế thu nhập cá nhân	175.793.657	3.211.810.401	(3.255.622.807)	131.981.251
Thuế tài nguyên	861.157.836	12.436.746.295	(6.802.381.745)	6.495.522.386
Thuế nhà đất	-	572.078.134.251	(120.443.597.519)	451.634.536.732
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.536.513.768	6.983.842.904	(4.910.447.744)	3.609.908.928
	5.968.392.864	639.919.594.672	(173.424.878.915)	472.463.108.621

(\*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	41.228.264.402	45.043.797.444
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp	9.023.263.927	1.212.852.084
Chi phí trích trước quản lý vận hành các nhà máy thủy điện	-	2.372.267.833
	<hr/>	<hr/>
	50.251.528.329	48.628.917.361
	<hr/>	<hr/>

**26. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Lãi vay phải trả	15.455.240.839	10.452.528.500
Thù lao của Hội đồng Quản trị	2.258.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.419.939.046	2.836.378.546
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	961.753.395	958.027.395
Kinh phí công đoàn	-	142.761.278
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.234.629.057	5.630.586.118
	<hr/>	<hr/>
	22.329.562.337	20.020.281.837
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
<b>Lãi vay phải trả công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	1.619.297.310	735.885.330
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	3.944.339.990	2.932.887.935
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	6.553.618.249	6.553.618.249
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	116.067.482	-
	<hr/>	<hr/>
	12.233.323.031	10.222.391.514
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.431.006.422.237	1.873.779.370.224	(1.543.637.315.008)	1.761.148.477.453
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 27(b))	230.048.000.000	348.653.000.713	(187.024.000.000)	391.677.000.713
	1.661.054.422.237	2.222.432.370.937	(1.730.661.315.008)	2.152.825.478.166

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	536.564.595.948	436.540.705.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	394.837.780.167	114.459.443.366
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	VND	232.269.766.160	283.545.093.202
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	160.402.051.431	227.759.337.190
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	VND	143.304.318.444	115.608.041.597
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	102.691.076.038	4.853.534.209
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	87.739.877.539	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	VND	58.914.351.395	80.641.120.535
Ngân hàng TMHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	VND	44.424.660.331	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	-	114.007.847.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	-	53.591.299.638
		<b>1.761.148.477.453</b>	<b>1.431.006.422.237</b>

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 đến 7,5 tháng và không có tài sản bảo đảm.

**(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn**

	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
Vay dài hạn (i)	2.177.949.948.649	2.063.793.603.649
Trái phiếu thường (ii)	1.186.260.213.582	1.183.899.763.518
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 27(a))	(391.677.000.713)	(230.048.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>2.972.533.161.518</b>	<b>3.017.645.367.167</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty con cấp 1</b>						
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	66.000.000.000	98.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	21.030.716.918	72.850.371.918
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	VND	4,5%	2025	Không có tài sản bảo đảm	5.088.844.560	5.088.844.560
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	VND	4,8%	2027	Không có tài sản bảo đảm	-	120.000.000.000
<b>Các bên khác</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(***)	2029	Toàn bộ phần vốn góp của PC1 tại Asia Dragon Trading Pte.Ltd và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng	505.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	362.968.395.700	386.968.395.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch (i)	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	274.709.898.607	310.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(**)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	290.010.568.179	305.034.568.179
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	152.212.523.972	152.212.523.972
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	(**)	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	136.000.000.000	148.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở Cá nhân	VND	9,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	264.929.000.713	364.929.000.713
	VND	6,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	100.000.000.000	100.000.000.000
					2.177.949.948.649	2.063.793.603.649

(i) Các khoản vay dài hạn này được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 1.867.683 triệu VND (1/1/2024: 1.922.173 triệu VND) (Thuyết minh 17).

Cá nhân cho Công ty vay dài hạn không phải bên liên quan của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.
- (\*\*) Các khoản vay này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.
- (\*\*\*) Khoản vay này có lãi suất ưu đãi trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 6,0%/năm. Trong các năm tiếp theo, lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

(ii) **Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Trái phiếu phát hành theo mệnh giá</b>				
Lô 1	VND	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	2027	900.000.000.000	900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu			(13.739.786.418)	(16.100.236.482)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			1.186.260.213.582	1.183.899.763.518

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, các trái phiếu trên được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 sở hữu (Thuyết minh 9(b)).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc mua các cổ phần hiện có và cổ phần phát hành mới của Công ty Cổ phần Western Pacific, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Công ty.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	145.827.662.533	108.909.881.324
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 29)	11.270.065.790	66.792.089.518
Sử dụng trong kỳ	(12.705.678.244)	(21.576.707.875)
Số dư cuối kỳ	144.392.050.079	154.125.262.967



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	2.704.330.020.000	711.136.556.786	213.577.792.672	64.632.444.542	1.199.145.355.439	4.892.822.169.439
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	49.087.255.261	49.087.255.261
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	33.396.044.759	-	(33.396.044.759)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(66.792.089.518)	(66.792.089.518)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	2.704.330.020.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	1.148.044.476.423	4.875.117.335.182
<b>Số dư tại ngày 1/1/2024</b>	3.109.955.580.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	803.142.319.053	4.935.840.737.812
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	109.265.036.308	109.265.036.308
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.270.065.790)	(11.270.065.790)
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.258.000.000)	(2.258.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	3.109.955.580.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	898.879.289.571	5.031.577.708.330

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **30. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2024 và 1/1/2024</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	310.995.558	3.109.955.580.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	310.995.558	3.109.955.580.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	310.995.558	3.109.955.580.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, một số cổ phiếu phổ thông của Công ty được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản trái phiếu mà Công ty phát hành (Thuyết minh 27(b)(ii)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	3.712.799.231	3.712.799.231
Trong vòng 2 năm đến 5 năm	13.512.973.858	18.563.996.155
	17.225.773.089	22.276.795.386

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	791.776	19.929.292.967	178.053	4.274.435.111
Kíp Lào	604.903	399.236	602.363	409.607

**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	1.439.396.328.348	868.291.140.919
Doanh thu chuyên nhượng bất động sản	14.240.641.320	-
Doanh thu chuyên nhượng dự án thủy điện Thượng Hà	9.364.077.009	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	7.771.689.074	12.170.862.025
Doanh thu bán điện	213.514.919.186	139.097.920.857
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	653.086.109.378	659.416.644.657
Doanh thu khác	23.013.822.723	58.255.990.053
	2.360.387.587.038	1.737.232.558.511



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	1.368.293.991.534	768.455.721.649
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	8.910.123.409	-
Giá vốn chuyển nhượng dự án thủy điện Thượng Hà	5.400.824.855	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.259.227.350	5.862.393.337
Giá vốn bán điện	106.832.642.080	88.781.674.822
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	642.527.121.159	647.783.056.301
Giá vốn khác	20.943.831.665	58.852.806.164
	<b>2.156.167.762.052</b>	<b>1.569.735.652.273</b>

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.405.449.380	41.159.907.019
Lãi bán hàng trả chậm	930.518.876	1.605.273.821
Cổ tức, lợi nhuận được chia	125.752.060.562	125.517.294.842
Lãi chuyển nhượng vốn	1.000.000.000	5.231.673.026
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.229.183.689	553.977.028
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	165.125.870	-
	<b>140.482.338.377</b>	<b>174.068.125.736</b>

**35. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	155.515.547.258	220.340.926.005
Chi phát hành trái phiếu	2.360.450.064	2.347.336.453
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.454.511.834	903.471.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	53.962
Chi phí tài chính khác	-	32.382.234
	<b>159.330.509.156</b>	<b>223.624.169.905</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.663.184.486	4.826.659.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.986.302	-
Chi phí bán hàng khác	301.328.265	91.196.661
	<hr/>	<hr/>
	6.967.499.053	4.917.856.540

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	859.225.661	2.486.192.593
Chi phí nhân công	40.775.347.270	27.884.280.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.332.447.866	3.690.625.411
Hoàn nhập dự phòng	(26.600.000)	(350.000.000)
Thuế, phí, lệ phí	1.438.106.638	1.684.040.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.649.995.009	16.037.361.052
Chi phí khác bằng tiền	5.920.086.028	4.049.685.422
	<hr/>	<hr/>
	67.948.608.472	55.482.185.741

**38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	388.050.092.187	161.960.257.379
Chi phí nhân công	45.895.592.598	30.092.905.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư cho thuê	71.255.884.811	72.063.764.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.727.509.989.234	746.850.845.981
Chi phí khác bằng tiền	19.782.533.446	18.963.314.817
	<hr/>	<hr/>
	2.252.494.092.276	1.029.931.087.436

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	1.686.971.010	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	58.053	11.038.831.179
	<hr/>	<hr/>
	1.687.029.063	11.038.831.179

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	110.952.065.371	60.126.086.440
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22.190.413.074	12.025.217.288
Chi phí không được khấu trừ thuế	273.635.347	566.982.035
Thu nhập không bị tính thuế	(25.150.412.112)	(25.103.458.968)
Ưu đãi thuế	(2.885.530.635)	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.153.862.477)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là lỗ tính thuế không được ghi nhận	-	12.567.448.045
Biến động của chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	9.412.727.813	(56.188.400)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	58.053	11.038.831.179
	<hr/>	<hr/>
	1.687.029.063	11.038.831.179

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

**(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	30/06/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời về chi phí lãi vay được khấu trừ	225.146.765.367	45.029.353.073	178.083.126.300	35.616.625.260
Lỗi tính thuế	-	-	10.769.312.383	2.153.862.477
	<b>225.146.765.367</b>	<b>45.029.353.073</b>	<b>188.852.438.683</b>	<b>37.770.487.737</b>

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND
2028	Chưa quyết toán	178.083.126.300
2029	Chưa quyết toán	47.063.639.067
		<b>225.146.765.367</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	2.821.754.930	7.278.020.610
Doanh thu dịch vụ	2.862.000	31.330.111
Lợi nhuận được chia	16.970.431.356	-
Mua dịch vụ xây lắp	173.717.060.603	202.466.566.822
<b>Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	20.791.632.755	6.390.117.788
Mua dịch vụ xây lắp	210.189.431.839	100.044.610.452
Doanh thu khác	198.149.181	-
Lợi nhuận được chia	990.000.000	-
Lãi bán hàng trả chậm được nhận	48.162.166	-
Chuyển nhượng vốn	-	1.480.935.067
<b>Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</b>		
Mua hàng hóa	9.809.583.450	15.189.488.950
Doanh thu bán hàng hóa	39.177.521.453	-
<b>Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình</b>		
Doanh thu cho thuê	295.058.428	276.686.550
Doanh thu bán hàng hóa	10.358.473.654	5.160.846.858
Doanh thu dịch vụ	-	18.259.178
Lợi nhuận được chia	19.976.872.018	-
Mua dịch vụ xây lắp	191.009.563.589	79.484.866.908
Nhận chuyển nhượng vốn của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I – Ninh Bình thông qua bù trừ công nợ	10.275.400.561	-
<b>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình</b>		
Doanh thu khác	34.020.408	-
Doanh thu bán hàng hóa	230.475.800	2.200.992.156
Lãi cho vay	-	216.917.808
Mua dịch vụ xây lắp	60.148.734.725	10.921.187.095
<b>Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	591.301.712	757.854.496
Doanh thu khác	215.944.784	-
Mua dịch vụ	859.518.588	1.641.933.103
<b>Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	16.221.074.896	2.313.991.581
Doanh thu khác	87.111.479	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
Lợi nhuận được chia	495.000.000	-
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	553.051.680
Mua dịch vụ xây lắp	106.366.477.623	62.692.531.204
Lãi trả chậm	-	16.421.682
Chi phí lãi trả chậm	-	32.382.234
Chuyển nhượng vốn	-	1.433.748.375
<b>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông</b>		
Chi phí lãi vay	116.067.482	-
Mua tài sản	-	681.818.182
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu</b>		
Doanh thu cho thuê	33.763.290	33.763.290
Doanh thu khác	55.555.554	-
Lợi nhuận được chia	23.410.680.000	26.397.234.000
<b>Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam</b>		
Doanh thu cho thuê	115.854.546	115.854.546
Lợi nhuận được chia	1.020.000.000	1.377.000.000
Mua dịch vụ xây lắp	4.615.671.865	-
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình</b>		
Chi phí lãi vay	883.411.980	153.979.506
Bù trừ khoản vay với khoản phải thu	17.819.655.000	-
Hoàn trả khoản vay	34.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình</b>		
Doanh thu cho thuê	47.650.908	47.650.908
Lãi cho vay	308.712.329	-
Mua dịch vụ	18.181.818	-
Cho vay	35.000.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay	6.000.000.000	-
Bù trừ khoản cho vay với khoản phải trả	1.765.823.207	-
Bù trừ khoản phải thu về lãi cho vay với khoản phải trả	308.712.329	-
<b>Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm</b>		
Mua dịch vụ vận hành	20.284.111.969	6.871.549.101
Mua dịch vụ xây lắp	-	3.579.322.340
Lãi cho vay	295.890.411	140.684.932
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay	1.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc</b>		
Doanh thu cho thuê	33.000.000	-
Doanh thu khác	55.555.554	-
Lợi nhuận được chia	-	14.702.758.871



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Giá trị giao dịch****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày****30/6/2024****30/6/2023****VND****VND****Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập**

Doanh thu cho thuê	38.400.000	-
Lãi cho vay	-	386.693.454
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	-	328.486.804
Thu hồi gốc cho vay	-	26.128.552.249
Doanh thu dịch vụ quản lý	-	326.607.314
Lợi nhuận được chia	14.766.595.201	13.245.018.859

**Công ty TNHH Cổ phần Điện gió Phong Huy**

Lãi cho vay	-	1.085.320.052
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	-	1.106.168.445
Doanh thu cho thuê	38.400.000	-
Thu hồi gốc cho vay	-	72.065.681.394
Doanh thu dịch vụ quản lý	-	346.607.314
Lợi nhuận được chia	12.977.606.711	31.759.339.305

**Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên**

Doanh thu dịch vụ quản lý	-	326.607.314
Lãi cho vay	-	1.408.008.583
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	-	1.161.243.228
Doanh thu cho thuê	38.400.000	-
Thu hồi gốc cho vay	-	72.120.756.178
Lợi nhuận được chia	15.379.289.657	38.035.943.807

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ**

Mua tài sản	-	2.720.161.500
Mua dịch vụ	-	1.593.368.345
Lợi nhuận được chia	1.147.500.000	-
Mua hàng hóa	-	465.100.000
Mua dịch vụ xây lắp	4.150.689.000	-

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát**

Lãi cho vay	2.388.249.955	4.127.194.971
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	1.142.397.260	4.127.194.971
Doanh thu dịch vụ	15.631.896.410	56.886.561.310
Doanh thu cho thuê	89.018.184	-
Cho vay	71.000.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay	71.000.000.000	-

**Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ**

Lãi cho vay	446.465.753	436.383.561
Chi phí lãi vay	441.863.014	-
Cho vay	2.000.000.000	-
Hoàn trả gốc vay	120.000.000.000	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**Giá trị giao dịch****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày****30/6/2024****30/6/2023****VND****VND****Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại**

Chi phí lãi vay

1.121.917.808

1.068.164.384

Hoàn trả gốc vay

32.000.000.000

-

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm**

Doanh thu cho thuê

33.000.000

-

Doanh thu chuyển nhượng dự án

9.364.077.009

-

Doanh thu khác

1.161.465.370

-

Lãi cho vay

64.323.288

424.109.589

Góp vốn thông qua bù trừ cổ tức phải thu

1.114.668.493

-

Góp vốn thông qua bù trừ với khoản cho vay

5.160.000.000

-

Góp vốn bằng tiền

59.725.331.507

-

Cho vay

-

6.000.000.000

Thu hồi gốc cho vay

-

-

**Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng**

Góp vốn

415.000.000.000

5.000.000.000

Doanh thu dịch vụ

5.235.000.000

-

**Asia Dragon Trading Pte.Ltd**

Doanh thu dịch vụ

200.000.000

-

**Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp****Nhật Bản - Hải Phòng**

Doanh thu dịch vụ

28.160.108.464

-

Lợi nhuận được chia

18.618.085.619

-

**Công ty con cấp 2****Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên -****công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép****Đông Anh**

Doanh thu bán hàng hóa

19.368.748.378

-

Lãi cho vay và lãi trả chậm

1.287.224.315

2.072.081.166

Mua hàng hóa

-

84.138.328

Mua dịch vụ xây lắp

6.072.300.375

-

**Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK –****công ty con của Công ty Cổ phần PCI Mỹ Đình**

Mua hàng hóa

-

1.509.140.126

**Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm -****công ty con của Công ty Cổ phần PCI Miền Nam**

Mua dịch vụ xây lắp

-

8.040.231.040

**Công ty liên kết****Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình**

Mua cổ phần

-

68.400.000.000

15  
C  
CH  
K  
17

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Giá trị giao dịch****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày****30/6/2024****30/6/2023****VND****VND****Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Văn Tuấn	1.484.000.000	228.000.000
Ông Vũ Ánh Dương	221.000.000	34.000.000
Ông Võ Hồng Quang	221.000.000	34.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	221.000.000	34.000.000
Ông Mai Lương Việt	37.000.000	34.000.000
Ông Phan Ngọc Hiếu	74.000.000	-

**Lương, thưởng và phúc lợi khác của****Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Ánh Dương	564.964.013	523.375.609
Ông Võ Hồng Quang	454.792.276	352.496.551
Ông Nguyễn Minh Đệ	770.910.000	466.225.000
Ông Đặng Quốc Trường	407.292.161	433.079.495
Ông Nguyễn Nhật Tân	351.396.487	299.539.959

**Thù lao của Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	12.000.000	12.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	12.000.000	12.000.000



